

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày: 27/9/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Việt**; Ông **Nguyễn Thế Long**

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 373/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần N – sinh năm: 1978; CCCD số 075 178 011 374 cấp ngày 31/8/2021; HKTT: số 252/Đ Ấp PN, xã GT, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: anh Nguyễn P – sinh năm: 1971; CCCD số 079 071 045 237; Trú tại: 160/C2, tổ 17, ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023 các bản khai nguyên đơn chị Trần N trình bày:

Chị N và anh P có mối quan hệ là anh rể và em dâu. Vào ngày 07/11/2022 chị N cho anh Nguyễn P vay tổng cộng số tiền là 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) việc vay mượn đã được văn phòng công chứng Vũ Trung Thành thực hiện công chứng cùng ngày. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1,5% trên tháng, thời hạn

thanh toán là hai tháng tức đến ngày 07/01/2023 là anh P phải thanh toán số tiền trên cho chị N.

Tuy nhiên đến hạn mà anh P chưa thanh toán tiền gốc, lãi cho chị N, mặc dù chị N nhiều lần yêu cầu anh P thanh toán trả nợ cho chị N nhưng anh P không thanh toán mà còn tránh mặt chị N. Đến nay đã quá thời hạn nhưng anh P không thanh toán tiền gốc và lãi cho chị N. Số tiền vay là của chị N không liên quan đến anh Nguyễn DP chồng chị N.

Nay chị N yêu cầu toà án buộc anh Nguyễn P phải thanh toán trả cho chị các khoản tiền như sau:

Tiền vay gốc: là 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Tiền lãi từ ngày 07/11/2022 đến ngày 08/02/2023 là 2.250.000.000 đồng x 1,5% x 03 tháng = 101.250.000 đồng; tổng cộng chị N yêu cầu anh P thanh toán số tiền là 2.351.250.000 đồng (hai tỷ ba trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trong quá trình tố tụng chị N thay đổi yêu cầu tiền lãi, chị yêu cầu anh P thanh toán tiền lãi cho chị từ ngày 07/11/2022 đến ngày 08/9/2023 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn P: *Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn P đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn P vắng mặt không có lý do nên không có lời khai, tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không đến tòa để tham gia phiên tòa.*

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 373/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, nhưng ông Nguyễn P vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Ngọc, ông Phương.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền đã vay nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn P có nơi cư trú tại 160/C2, tổ 17, ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Trần N là nguyên đơn và anh Nguyễn P là bị đơn trong vụ án.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn P theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tài sản chị N đang tranh chấp với anh P là tài sản của chị N đi vay của người khác không liên quan đến anh Nguyễn Duy Phúc chồng chị N, chị N đề nghị không đưa anh Phúc vào tham gia tố tụng trong vụ án nên HĐXX không đưa ông Phúc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần N:

[2.1] Về số tiền gốc: Chị N nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh P bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho chị N số tiền nợ gốc là: 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần N trình bày do là chỗ người thân (anh P là anh rể của chị N) nên chị N có cho anh P vay tiền nhiều lần, đến ngày 7/11/2022 chị N và anh P đến Văn phòng công chứng Vũ Trung Thành lập hợp đồng vay tiền và được Văn phòng công chứng Vũ Trung Thành thực hiện công chứng số 010165 quyền 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07 tháng 11 năm 2022. Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2022 thể hiện chị N cho anh P vay số tiền 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày được chứng nhận bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, lãi suất do hai bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật; việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện; phương thức thanh toán là thanh toán một lần khi hết thời hạn vay.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N cung cấp 01 Vi bằng được Văn phòng Thừa phát lại Trảng Bom thực hiện ngày 24/3/2023 nội dung tin nhắn Zalo giữa chị N và anh P thể hiện anh P thừa nhận có vay của chị N số tiền **2.270.000.000** đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Theo khoản 2 Điều 2 Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 quy định “Vi bằng là văn bản do Thừa phát lại lập, ghi nhận sự kiện, hành vi được dùng làm chứng cứ trong xét xử và trong các quan hệ pháp lý khác”.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Viettel Đồng Nai và Công ty cổ phần VNG về số điện thoại và tài khoản Zalo do nguyên đơn cung cấp kết quả số điện thoại 0393913460 có tên đăng ký là Nguyễn P, sinh ngày 01/01/1971; địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai và số điện thoại 0393913460 có đăng ký tên tài khoản Zalo là “Nguyễn Phương”.

Như vậy, việc nguyên đơn chị Trần N trình bày anh Nguyễn P có vay tiền chị N với số tiền 2.270.000.000 đồng là có thật phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Việc nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng vay tiền để yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 2.250.000.000 đồng là không trái quy định pháp luật nên chấp nhận.

Theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 010165 quyền 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07 tháng 11 năm 2022 của văn phòng công chứng Vũ Trung Thành thể hiện thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày được chứng nhận bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (ngày 07/11/2022). Như vậy đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 23/02/2023 đã quá thời hạn vay nhưng bị đơn chưa thanh toán tiền vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận của các bên. Vì vậy, cần buộc bị đơn Nguyễn P thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 010165 quyền 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07 tháng 11 năm 2022 của văn phòng công chứng Vũ Trung Thành thể hiện lãi suất do hai bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên việc chị N yêu cầu anh P thanh toán lãi là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, hợp đồng không thể hiện lãi suất cụ thể bao nhiêu, chị N cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc hai bên thỏa thuận lãi suất bao nhiêu nên căn cứ khoản 2 Điều 468 cần buộc bị đơn thanh toán lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp. Vì vậy, chị N yêu cầu anh P thanh toán lãi trong hạn từ ngày 07/11/2022 đến 07/01/2023 số tiền 18.742.500 đồng ($2.250.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 02 \text{ tháng}$) và lãi chậm trả từ ngày 08/01/2023 đến ngày 08/9/2023 số tiền 84.341.250 đồng ($2.250.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 09 \text{ tháng}$), tổng số tiền lãi 103.083.750 đồng là đúng quy định nên chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn Nguyễn P phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 08/9/2023 là số tiền 2.353.083.750 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 2.250.000.000 đồng, tiền lãi là: 103.083.750 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền 79.061.675 đồng = 72.000.000 đồng +(353.083.750 đồng x 2%).

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xét hoàn trả lại cho chị Trần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.512.500 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009243 ngày 24/02/2023 của cơ quan THA dân sự huyện Thống Nhất.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5 khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các điều 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần N đối với bị đơn anh Nguyễn P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn P có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần N tính đến ngày 08/9/2023 tổng số tiền là 2.353.083.750 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 2.250.000.000 đồng, tiền lãi là: 103.083.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn P phải nộp 79.061.675 đồng (Bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Trần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.512.500 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009243 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Nguyên đơn chị Trần N, bị đơn Nguyễn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- THA huyện TN;
- VKS huyện TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đặng Quang Phúc